

Bán ra

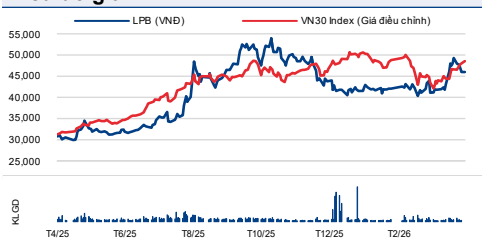
Giá mục tiêu: VNĐ25,700

Tiềm năng tăng/giảm: -44.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/4/2026)	46,000
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	29,575-53,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	46,433
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	137,415
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,219
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,987
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	149
Slg CP NN được mua (tr.đv)	126
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	0.80%
Tỷ lệ freefloat	93.5%
Cổ đông lớn	VNPost (6.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	605,584	674,927	773,897
Dư nợ cho vay (ntđ)	391,746	446,591	526,977
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	21,881	24,666	28,715
Lợi nhuận thuần (ntđ)	11,422	12,364	12,560
BVPS (đồng)	15,798	18,730	21,724
EPS (đồng)	3,824	4,139	4,205
DPS (đồng)	2,500	1,000	1,000
T.trường cho vay KH (%)	18.1	14.0	18.0
T.trường thu nhập HĐ (%)	9.78	12.7	16.4
Tăng trưởng EPS (%)	17.5	8.25	1.58
Tăng trưởng DPS (%)	nm	(60.0)	(0.00)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	65.4	24.2	23.8
ROAE (%)	25.2	24.0	20.8
ROAA (%)	2.05	1.93	1.73
Tỷ lệ NIM (%)	2.92	3.09	3.38
Tỷ lệ CIR (%)	28.3	28.2	28.8
Hệ số CAR (%)	11.2	11.9	11.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.68	2.00	1.90
LLR/nợ xấu (%)	73.9	69.3	75.4
Hệ số LDR (%)	116	118	115
P/B (lần)	2.91	2.46	2.12
P/E (lần)	12.0	11.1	10.9
Lợi suất cổ tức (%)	5.43	2.17	2.17

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng Lộc Phát là ngân hàng quy mô vừa, được thành lập vào năm 2008, tập trung cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q1/2026: Tỷ lệ NIM thu hẹp làm giảm lợi nhuận

- LNTT Q1/2026 giảm 11%, hoàn thành 18% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo Q1 của chúng tôi, chủ yếu do tỷ lệ NIM thu hẹp mạnh hơn kỳ vọng do chênh lệch lãi suất cho vay-tiền gửi thu hẹp.
- Tín dụng tăng trưởng khiêm tốn 2,9% kể từ đầu năm trong khi tăng trưởng huy động vẫn chậm. Tỷ lệ NIM thu hẹp 73 điểm cơ bản so với quý trước; chất lượng tài sản suy yếu với nợ xấu mới hình thành gia tăng. Thu nhập ngoài lãi sụt giảm mặc dù lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối mạnh mẽ và chi phí hoạt động tăng lên đúng như được dự báo.
- HSC duy trì khuyến nghị Bán ra. Lợi nhuận thấp hơn dự báo và định giá vẫn cao hơn khoảng 100% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

LPB đã công bố KQKD Q1/2026 với LNTT giảm 11% so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ đạt 18% dự báo cả năm và thấp hơn nhiều so với kỳ vọng. Sự sụt giảm tỷ suất lợi nhuận ròng (NIM) là yếu tố chính dẫn đến kết quả tiêu cực này.

Tín dụng tăng trưởng 2,9% kể từ đầu năm, huy động tăng trưởng 2%

Tổng tín dụng tăng trưởng 2,9% kể từ đầu năm, thấp hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 3,2%, trong đó tín dụng phân khúc khách hàng doanh nghiệp tăng trưởng 7,5%, trong khi phân khúc bán lẻ giảm 3,5%. Cơ cấu tín dụng theo ngành, ngành bán buôn & bán lẻ và xây dựng dẫn đầu tăng trưởng.

Huy động là điểm sáng với tiền gửi khách hàng tăng 2,4% kể từ đầu năm. Nếu bao gồm cả giấy tờ có giá, tổng vốn huy động tăng trưởng 2%, chúng tôi tin rằng đây là kết quả vượt trội so với ngành. Tuy nhiên, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn nhìn chung đi ngang so với cùng kỳ ở mức thấp 6,6%.

Tỷ lệ NIM thu hẹp 73 điểm cơ bản so với quý trước, thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng

Tỷ lệ NIM giảm 73 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,67% (giảm 20 điểm cơ bản so với cùng kỳ), thấp hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi, chủ yếu do chênh lệch lãi suất cho vay - tiền gửi thu hẹp mạnh, mặc dù chi phí huy động tốt hơn dự kiến.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, LPB

Lợi nhuận thuần kém hơn kỳ vọng do tỷ lệ NIM thấp hơn dự kiến

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	2026 HSCF	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,282	3,878	18.2%	19,464	19.9%
Thu nhập ngoài lãi	1,406	1,276	-9.3%	5,202	24.5%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	828	667	-19.5%	3,267	20.4%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	113	397	252.1%	382	103.7%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	5	76	1582.2%	45	168.2%
Thu nhập khác	448	120	-73.2%	1,395	8.6%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	13	17	31.6%	112	14.7%
Tổng thu nhập HĐ	4,688	5,154	9.9%	24,666	20.9%
Chi phí HĐ	-1,314	-1,553	18.2%	-6,960	22.3%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	3,374	3,601	6.7%	17,705	20.3%
Chi phí dự phòng	-198	-774	290.3%	-2,250	34.4%
LNTT	3,175	2,826	-11.0%	15,455	18.3%
Lợi nhuận thuần	2,534	2,279	-10.1%	12,364	18.4%

Nguồn: LPB, HSC

Chi phí huy động chỉ tăng 19 điểm cơ bản so với quý trước do chi phí tiền gửi tăng 34 điểm cơ bản, trong khi lợi suất tài sản giảm 50 điểm cơ bản, chủ yếu do lợi suất cho vay giảm 78 điểm cơ bản. Chênh lệch lãi suất cho vay - tiền gửi thu hẹp xuống 4,1%, so với bình quân quá khứ ở mức 4,8%, trái với giả định của chúng tôi là LPB có thể chuyển phần chi phí huy động tăng cao sang khách hàng.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối bù đắp thu nhập từ thu hồi nợ xấu sụt giảm; lãi thuần HĐ dịch vụ thấp

Thu nhập ngoài lãi giảm 9,3%, hoàn thành 24,5% dự báo cả năm của chúng tôi.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối vượt kỳ vọng, tăng mạnh 252% so với cùng kỳ. Ngược lại, thu nhập từ thu hồi nợ xấu giảm mạnh 73%, không đạt dự báo của chúng tôi.

Lãi thuần HĐ dịch vụ vẫn kém tích cực, giảm 19% so với cùng kỳ. Thu nhập phí cốt lõi (không bao gồm các loại phí khác) chỉ đạt 183 tỷ đồng (tăng 34% so với cùng kỳ), chỉ tương đương 3,5% tổng thu nhập hoạt động.

Chất lượng tài sản kém hơn một chút so với kỳ vọng

Tỷ lệ nợ xấu tăng 16 điểm cơ bản so với quý trước lên 1,84% (từ 1,68% tại thời điểm cuối năm 2025) do tỷ lệ nợ xấu mới hình thành tăng lên 0,33%, so với bình quân năm 2025 ở mức 0,16%. Mặc dù giả định chất lượng tài sản sẽ suy yếu nhưng nợ xấu thực tế vẫn tăng mạnh hơn một chút so với dự báo của chúng tôi. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm nhẹ xuống 70% từ 74% trong quý trước.

Chúng tôi vẫn giữ quan điểm tỷ lệ nợ xấu mới hình thành của LPB đã ở mức rất thấp trong 2 năm qua và có khả năng sẽ bình thường trở lại, tăng lên trong năm 2026. Điều kiện thị trường thắt chặt (lãi suất gia tăng và thanh khoản căng thẳng) sẽ tiếp tục gây sức ép lên chất lượng tài sản toàn ngành.

Chi phí hoạt động tăng 18% so với cùng kỳ

Chi phí hoạt động tăng 18% so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi, chủ yếu do chi phí nhân viên (tăng 14,4% so với cùng kỳ) và chi phí quản lý (tăng 36% so với cùng kỳ).

Số lượng nhân viên tăng 1,5% so với quý trước và tăng 1,8% kể từ đầu năm lên 9.700 người. Tiền lương trung bình hàng tháng nhìn chung đi ngang so với quý trước nhưng tăng 23% so với cùng kỳ. Xu hướng này phù hợp với dự báo của chúng tôi.

HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và đang xem xét lại dự báo

Lợi nhuận thuần của LPB thấp hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi và là quý sụt giảm mạnh đầu tiên sau 10 quý liên tiếp ổn định và tăng trưởng.

Mặc dù vậy, LPB tiếp tục giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm cao ở mức 2,6 lần, cao hơn 100% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Bán ra và đang xem xét lại dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	34,137	39,292	49,967	55,011	64,830
Chi phí lãi	(18,743)	(23,257)	(30,503)	(30,901)	(36,092)
Thu nhập lãi thuần	15,394	16,034	19,464	24,109	28,737
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,211	3,199	3,267	2,726	2,757
Lãi thuần HĐ KDNH	273	348	382	584	862
Lãi/lỗ từ mua bán CK	41.6	138	44.9	67.8	83.0
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	75.0	112	112	112	112
Thu nhập khác	938	2,051	1,395	1,116	1,581
Tổng thu nhập HĐ	19,932	21,881	24,666	28,715	34,131
Chi phí HĐ	(5,810)	(6,190)	(6,960)	(8,273)	(10,107)
LN trước dự phòng	14,122	15,691	17,706	20,442	24,024
Chi phí dự phòng	(1,954)	(1,422)	(2,250)	(4,742)	(6,286)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	12,168	14,269	15,455	15,700	17,738
Chi phí thuế TNDN	(2,447)	(2,847)	(3,091)	(3,140)	(3,548)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	9,721	11,422	12,364	12,560	14,190
EPS (đồng)	3,254	3,824	4,139	4,205	4,750
DPS (đồng)	0	2,500	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,162	1,085	2,233	2,689	3,239
Tiền gửi tại NHNN	14,370	35,404	6,699	16,132	19,432
Tiền gửi tại các TCTD khác	96,455	116,332	150,547	143,115	166,538
Chứng khoán kinh doanh	660	631	122	759	913
Các công cụ tài chính phái sinh	9.14	231	231	231	231
Số dư cho vay thuần	327,276	386,867	440,403	519,433	613,145
Tổng dư nợ cho vay	331,606	391,746	446,591	526,977	621,833
Dự phòng rủi ro	(4,330)	(4,879)	(6,188)	(7,545)	(8,688)
Chứng khoán đầu tư	58,080	52,768	60,799	75,155	90,402
CK đầu tư sẵn sàng để bán	58,080	52,768	60,799	75,155	90,402
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	549	999	999	999	999
Tài sản cố định	2,732	3,260	3,660	4,160	4,660
Tài sản khác	7,037	8,007	9,235	11,225	13,234
Tổng tài sản	508,330	605,584	674,927	773,897	912,793
Nợ phải trả	464,992	558,392	618,976	709,001	837,403
Tiền gửi của NHNN	1,271	17,704	17,865	0.98	0.98
Tiền gửi của các TCTD khác	115,349	127,848	142,909	158,093	174,113
Tổng tiền gửi KH	283,172	337,583	379,602	457,072	550,582
Trái phiếu và CCTG	55,459	64,097	66,989	80,660	97,161
Nợ khác	9,741	11,160	11,611	13,174	15,546
Vốn chủ sở hữu	43,338	47,192	55,951	64,896	75,390
Vốn điều lệ	25,576	29,873	29,873	29,873	29,873
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	12,122	9,509	15,795	22,267	30,249
Quỹ & vốn khác của CSH	5,640	7,810	10,283	12,756	15,268
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	508,330	605,585	674,927	773,897	912,793
BVPS (đồng)	14,508	15,798	18,730	21,724	25,237

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	32.8	19.1	11.5	14.7	17.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	20.4	18.1	14.0	18.0	18.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	19.3	19.2	12.4	20.4	20.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	18.7	18.6	11.2	20.4	20.5
Tăng trưởng VCSH (%)	27.0	8.89	18.6	16.0	16.2
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	37.4	4.16	21.4	23.9	19.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	0.88	6.53	12.4	18.9	22.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	43.1	11.1	12.8	15.5	17.5
Tăng trưởng LNTT (%)	72.9	17.3	8.32	1.58	13.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	74.5	17.5	8.25	1.58	13.0

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.47	3.93	3.85	3.96	4.05
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.30)	(1.11)	(1.09)	(1.14)	(1.20)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.0	98.5	98.4	98.4	98.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.78	2.28	2.45	2.59	2.80
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	9.02	10.8	11.7	12.5	14.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	14.1	12.0	11.1	10.9	9.68
P/B (lần)	3.17	2.91	2.46	2.12	1.82
Lợi suất cổ tức (%)	0	5.43	2.17	2.17	2.17

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	48.8	52.2	50.1	43.7	41.6
ROAA (%)	2.18	2.05	1.93	1.73	1.68
ROAE (%)	25.1	25.2	24.0	20.8	20.2
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	4.64	5.28	4.74	4.76
Lợi suất góp BQ (%)	7.82	7.16	7.93	7.72	7.81
Lợi suất thuần (%)	3.08	2.52	2.64	2.97	3.05
Tỷ lệ NIM (%)	3.53	2.92	3.09	3.38	3.46
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	16.1	14.6	13.2	9.49	8.08
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.2	73.3	78.9	84.0	84.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	6.66	12.1	7.84	6.55	7.73
Tỷ lệ CIR (%)	29.2	28.3	28.2	28.8	29.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	65.4	24.2	23.8	21.1

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.3	11.2	11.9	11.8	11.5
VCSH/Tổng TS (%)	8.53	7.79	8.29	8.39	8.26
Đòn bẩy vốn (lần)	11.7	12.8	12.1	11.9	12.1

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.57	1.68	2.00	1.90	1.80
Hệ số LLR (%)	83.3	73.9	69.3	75.4	77.6

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	116	118	115	113
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	25.4	24.1	24.2	22.7	21.2
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	65.2	64.7	66.2	68.1	68.1

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,078	1,053	1,053	1,003	953
Số lượng nhân viên	11,189	9,597	10,077	11,085	12,194

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn